

Số: **155** /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016;

Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

2. Cơ sở thực tiễn, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017, Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 19/4/2018 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 là căn cứ quan trọng để xác định nguồn thu, nhiệm vụ chi của mỗi cấp ngân sách,

tỷ lệ phần trăm phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp, số bổ sung cân đối cho các huyện, thành phố; là cơ sở để xây dựng, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, đơn vị, các huyện, thành phố hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2021.

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp đã tăng cường nguồn lực cho cấp cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế, quy định rõ nhiệm vụ chi của mỗi cấp ngân sách, tăng tính chủ động, khuyến khích các huyện, thành phố tăng thu để thực hiện các nhiệm vụ chi, sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phân công, phân quyền gắn với trách nhiệm của các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán. Qua đó đã góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước 2017-2021 và kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Tuy nhiên, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp giai đoạn 2017 - 2021 vẫn còn một số bất cập cần xem xét, khắc phục trong thời kỳ ổn định ngân sách mới cụ thể như: Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi chưa được cập nhật đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành; tỷ lệ phần trăm phân chia tiền sử dụng đất chưa phù hợp với thực tế khi phát sinh nhiều nguồn thu mới tại một số địa phương.

Mặt khác tại khoản 23, Điều 4 Luật Ngân sách Nhà nước quy định: “*Thời kỳ ổn định ngân sách địa phương là thời kỳ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong thời gian 05 năm*”. Như vậy, đến năm 2022 là năm bắt đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới nên cần thiết phải ban hành Nghị quyết mới thay thế để phù hợp với thực tiễn.

Theo quy định tại điểm c, d khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh: “...c) *Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này; d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương*”; việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Phù hợp với quy định của pháp luật, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của tỉnh; tập trung khắc phục những hạn chế và kế thừa những mặt tích cực của Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi và Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017; đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Việc xây dựng Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã được thực hiện theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

UBND tỉnh đã ban hành Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 01/9/2021 trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã triển khai, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi nhận được ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã chỉnh sửa, hoàn thiện gửi UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị theo quy định.

Ngày 26/10/2021, UBND tỉnh đã tổ chức phiên họp UBND tỉnh thông qua nội dung các Tờ trình dự thảo Nghị quyết, trong đó có nội dung Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Ngoài phần căn cứ, Nghị quyết được bố cục thành 03 Điều; Quy định kèm theo Nghị quyết được bố cục thành 3 Chương và 10 Điều.

2. Nội dung cơ bản của Quy định kèm theo Nghị quyết

2.1. Chương I: Quy định chung:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng trong việc thực hiện phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) và ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là ngân sách cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội;
2. Các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao;
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đảm bảo mục tiêu quan trọng về ngân sách theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

2. Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, kéo dài sang 2021 và sửa đổi, bổ sung để khắc phục những tồn tại, bất cập để đảm bảo mỗi cấp ngân sách được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể phù hợp với phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội.

3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi có gắn liền với vai trò, trách nhiệm quản lý của từng cấp chính quyền địa phương nhằm khai thác tối đa nguồn thu, khuyến khích tăng thu tạo quyền chủ động cho chính quyền cấp cơ sở. Hạn chế phân chia nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp ngân sách, để tập trung nguồn lực và sử dụng nguồn thu hiệu quả.

4. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương để thực hiện các chủ trương lớn, các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, bổ sung cân đối ngân sách và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp; ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách theo quy định này không thay đổi trong thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022; hàng năm, căn cứ khả năng của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

2.2. Chương II: Phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương

- Nội dung quy định phân cấp nguồn thu ngân sách cấp tỉnh (**Điều 4**);
- Nội dung quy định phân cấp nguồn thu ngân sách cấp huyện (**Điều 5**);

- Nội dung quy định phân cấp nguồn thu ngân sách cấp xã (**Điều 6**);
- Nội dung quy định các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương (**Điều 7**)

2.3. Chương III: Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

- Nội dung phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh (**Điều 8**);
- Nội dung phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện (**Điều 9**);
- Nội dung phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã (**Điều 10**);

3. Một số điểm mới trong dự thảo nghị quyết

Ngoài việc thay đổi về bố cục do ghép nội dung 02 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND và quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu dưới dạng biểu..., dự thảo Nghị quyết lần này còn chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung so với Nghị quyết cũ, cụ thể:

- Cập nhật bổ sung, chỉnh sửa một số nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách cho phù hợp với các quy định mới phát sinh tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương;

- Thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất do phát sinh nguồn thu mới trong giai đoạn 2022-2025 theo hướng tăng điều tiết về ngân sách cấp tỉnh, để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và nhu cầu chi, khả năng quản lý của từng cấp ngân sách.

Cơ sở và nội dung liên quan đến những điểm mới của dự thảo nghị quyết nêu trên được trình bày chi tiết tại Báo cáo thuyết minh gửi kèm.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Hồ sơ gửi kèm gồm: Tờ trình dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thuyết minh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị; Các văn bản góp ý kiến của các đơn vị, địa phương)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Tuyền.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017, Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2017.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn
(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ sáu)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này được áp dụng trong việc thực hiện phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) và ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là ngân sách cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội;
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ nhà nước giao;
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đảm bảo mục tiêu quan trọng về ngân sách theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.
2. Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, kéo dài sang 2021 và sửa đổi, bổ sung, khắc phục những tồn tại, bất cập để đảm bảo mỗi cấp ngân sách được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể phù hợp với phân cấp quản lý về kinh tế - xã hội.
3. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi có gắn liền với vai trò, trách nhiệm quản lý của từng cấp chính quyền địa phương nhằm khai thác tối đa nguồn thu, khuyến khích tăng thu tạo quyền chủ động cho chính quyền cấp cơ sở. Hạn chế phân chia nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp ngân sách, để tập trung nguồn lực và sử dụng nguồn thu hiệu quả.

4. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương để thực hiện các chủ trương lớn, nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, bổ sung cân đối ngân sách và hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp; ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách theo quy định này không thay đổi trong thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022; hằng năm, căn cứ khả năng của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

1.1. Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu;

1.2. Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;

1.3. Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

1.4. Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

1.5. Thuế thu nhập cá nhân không kể thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

1.6. Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

1.7. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do cấp tỉnh cấp phép;

1.8. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

1.9. Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Cục Thuế tỉnh quản lý thu; Các khoản thu lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

1.10. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

1.11. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức do Cục Thuế tỉnh quản lý thu.

1.12. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

1.13. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh thu theo quyết định của người có thẩm quyền;

1.14. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

1.15. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

1.16. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

1.17. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

1.18. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

1.19. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý;

1.20. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

1.21. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

1.1. Thuế tài nguyên;

1.2. Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu;

1.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu;

1.4. Thuế thu nhập cá nhân không kể thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do Chi cục Thuế quản lý thu;

1.5. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp huyện quản lý thu, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

1.6. Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Chi cục Thuế thu; Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu;

1.7. Lệ phí trước bạ (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất);

1.8. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

1.9. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước đối với tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế quản lý thu;

1.10. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp huyện thu theo quyết định của người có thẩm quyền;

1.11. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

1.12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do người có thẩm quyền cấp huyện quyết định xử lý;

1.13. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện;

1.14. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

1.15. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp huyện quản lý;

1.16. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

5. Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

1.1. Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh do Chi cục Thuế quản lý có địa điểm kinh doanh trên địa bàn xã;

1.2. Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định;

1.3. Lệ phí trước bạ nhà, đất;

1.4. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

1.5. Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

1.6. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật;

1.7. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

1.8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

1.9. Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

1.10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;

1.11. Thu kết dư ngân sách cấp xã;

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã

1.1. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản;

1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

1.4. Tiền sử dụng đất (không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý).

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

Đơn vị: %

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu			Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản				
1.1	Thành phố Bắc Kạn		40	60	
1.2	Các huyện còn lại			100	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
2.1	Thành phố Bắc Kạn		40	60	
2.2	Các huyện còn lại			100	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
3.1	Thành phố Bắc Kạn		40	60	
3.2	Các huyện còn lại			100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu			Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
4	Thu tiền sử dụng đất				
4.1	Đối với khoản thu tiền sử dụng đất từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện: giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất không qua đấu giá; chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất (sau khi trừ các chi phí hợp lý phục vụ cho việc thu hồi để giao đất)				
a	Thành phố Bắc Kạn, huyện Ba Bể	10	90		Ngân sách huyện thực hiện trích kinh phí thực hiện nhiệm vụ (1)
b	Các huyện còn lại		100		
4.2	Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án được đầu tư từ nguồn vốn NSNN				
a	Thu từ quỹ đất hai bên đường được tạo bởi các dự án đầu tư đường giao thông bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh; nguồn vốn ngân sách trung ương hoặc nguồn vốn ngân sách tỉnh lồng ghép nguồn ngân sách huyện, trong đó nguồn vốn ngân sách tỉnh chiếm từ 70% trở lên (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay sau đó hoàn trả bằng ngân sách tỉnh)	30	70		
b	Thu từ quỹ đất được tạo bởi các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách huyện, hoặc nguồn vốn ngân sách huyện lồng ghép nguồn ngân sách tỉnh, trong đó nguồn vốn ngân sách huyện chiếm từ 30% trở lên (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay sau đó hoàn trả bằng ngân sách huyện)	10	90		Ngân sách huyện thực hiện trích kinh phí thực hiện nhiệm vụ (1)
4.3	Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án không sử dụng vốn NSNN (sau khi trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định) được tính là 100% và phân chia cho ngân sách cấp tỉnh, huyện như sau				
a	Dự án trên địa bàn Thành phố Bắc Kạn và huyện Ba Bể	50	50		Ngân sách huyện thực hiện trích kinh phí thực hiện nhiệm vụ (1)
b	Dự án trên địa bàn các huyện còn lại	30	70		

(1) Đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Cơ quan Thuế xác định số tiền phân chia khoản thu tiền sử dụng đất từ các dự án cho ngân sách các cấp theo tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại khoản 2 Điều này trong Thông báo nộp tiền sử dụng đất và gửi Kho bạc nhà nước thực hiện thu theo quy định.

4. Hàng năm, UBND các huyện ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho các xã về đích nông thôn mới theo kế hoạch.

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các Chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

2.1. Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề, gồm: giáo dục trung học phổ thông, bổ túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác thuộc cấp tỉnh quản lý; các hoạt động sự nghiệp đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác thuộc cấp tỉnh quản lý;

2.2. Sự nghiệp Khoa học - Công nghệ bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

2.3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm: Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác;

2.4. Các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hoá khác do cấp tỉnh quản lý;

2.6. Sự nghiệp phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác cấp tỉnh quản lý;

2.7. Sự nghiệp thể dục thể thao;

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

2.9. Các hoạt động kinh tế:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý;

Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;

Hoạt động kiến thiết thị chính;

Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

Các hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

2.10. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam);

2.11. Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trung tâm xã hội, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của pháp luật;

2.12. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

2.13. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên.

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu do cấp tỉnh quản lý.

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản các Chương trình, dự án do cấp huyện quản lý theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này;

1.2. Các khoản chi đầu tư phát triển khác do cấp huyện thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm: giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông dân tộc nội trú, bổ túc văn hoá các hoạt động giáo dục khác; đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp huyện quản lý;

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ gồm: các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ; hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ;

2.3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

2.4. Sự nghiệp y tế, bao gồm bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách hỗ trợ và các hoạt động y tế khác;

2.5. Sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi các hoạt động bảo tồn, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác do cấp huyện quản lý;

2.6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cấp huyện quản lý;

2.7. Sự nghiệp thể dục thể thao;

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

2.9. Các hoạt động kinh tế do cấp huyện quản lý:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường được tỉnh phân cấp quản lý;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác được tỉnh phân cấp quản lý;

Sự nghiệp tài nguyên được tỉnh phân cấp quản lý;

Hoạt động kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác;

Các hoạt động kinh tế khác được tỉnh phân cấp.

2.10. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện (Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân);

2.11. Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trung tâm xã hội, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp huyện bảo đảm theo quy định của pháp luật;

2.12. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện theo quy định của pháp luật;

2.13. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên;

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu do cấp huyện thực hiện.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp huyện.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chi thường xuyên

2.1. Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội theo phân cấp:

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã;

2.3. Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ);

2.4. Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã;

2.5. Chi hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao;

2.6. Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;

2.7. Chi các hoạt động kinh tế, bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác;

2.8. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

2.9. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

2.10. Chi cho công tác xã hội do xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01/01/1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách, chi trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác;

2.11. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên;

3. Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu do cấp xã thực hiện theo phân cấp.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã./.

THUYẾT MINH MỘT SỐ THAY ĐỔI, BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế				Thuyết minh
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	Phân cấp nguồn thu							
I	Các khoản thu NS các cấp hưởng 100%							
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN (trừ thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế GTGT, thuế TNDN từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) - NQ51 DNNN trung ương, DN có vốn ĐTNN DNNN địa phương Cấp tỉnh thu Cấp huyện, cấp xã thu Khu vực kinh tế ngoài QĐ Cấp tỉnh thu Cấp huyện, cấp xã thu	100% 100% 100%	100%	100%	(i) Thuế GTGT không kể thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí Cục thuế thu Chi cục thuế thu (ii) Thuế TNDN không kể thuế TNDN thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí Cục thuế thu Chi cục thuế thu	100% 100%	100% 100%	Tại dự thảo Nghị quyết kế thừa nguyên tắc "cấp nào thu cấp đó hưởng 100%" và chuyển sang phân cấp đối với nguồn thu này; tuy nhiên thuế GTGT và thuế TNDN chỉ phân cấp thu tại Cục thuế và Chi cục thuế, không thu tại cấp xã nên dự thảo nghị quyết đã sửa đổi phân cấp nguồn thu này theo từng sắc thuế và cơ quan quản lý thu ở cấp tỉnh và cấp huyện, nội dung tại mục 1.3 và 1.4 DT nghị quyết
2	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương hưởng theo quy định	100%			Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do Tỉnh cấp phép	100%		Bổ sung tiền cấp phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh theo Luật Tài nguyên nước và NĐ 201/2013/NĐ-CP
3	(i) Các khoản lệ phí do cơ quan nhà nước thu Cấp tỉnh thu Cấp huyện thu (ii) Lệ phí môn bài Cấp tỉnh thu Cấp huyện thu Cấp xã thu	100% 100% 100%	100% 100%	100%	(i) Lệ phí môn bài đối với tổ chức do cơ quan Thuế quản lý thu; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) do các cơ quan nhà nước thu; Cấp tỉnh Cấp huyện (ii) Lệ phí trước bạ nhà, đất; Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ KD	100% 100%	100% 100%	Gộp khoản thu lệ phí môn bài đối với tổ chức do Cục thuế quản lý thu và các khoản lệ phí do CQNN thu; do đây là nguồn thu nhỏ nên không để ở mục phân chia mà thực hiện phân cấp cho cấp tỉnh, huyện, xã theo chức năng quản lý

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế					Thuyết minh
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
4	Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã thu (không kể lệ phí trước bạ);			100%	Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định;			100%	Chỉnh sửa theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC
5	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, tổ chức, đơn vị các cấp xử lý Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã	100%	100%	100%	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước các cấp quyết định xử phạt, tịch thu Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã	100%	100%	100%	Giữ nguyên mức hưởng của các cấp ngân sách, chỉnh sửa quy định cấp nào xử lý cấp đó hưởng thành cấp nào quyết định xử phạt thì cấp đó hưởng theo quy định của TT số 342/2016/TT-BTC, để tránh vướng mắc khi 2 cấp cùng tham gia thực hiện
6	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất ... Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã	100%	100%	100%	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất ...	100%	100%		Giữ nguyên mức hưởng đối với NS cấp tỉnh, huyện, bỏ nguồn thu này đối với NS cấp xã; sửa đổi không phân chia nguồn thu này và chuyển sang phân cấp cho cấp tỉnh, huyện để phù hợp với quy định về quản lý và sử dụng tiền bán TSC tại khoản 1 Điều 36 ND số 151/2017/NĐ-CP và quy định nguồn thu cấp xã tại TT số 344/2016/TT-BTC
7	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước -NQ51 Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã	100%	100%	100%	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100%	100%		Đây là khoản thu nhỏ chi phát sinh tại cấp tỉnh, huyện nên chuyển phân cấp cho tỉnh, huyện theo chức năng quản lý và bỏ quy định này đối với cấp xã
8	(i) Tiền sử dụng đất (không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các đơn vị thuộc TW quản lý và thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã chưa hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới).				Tiền sử dụng đất (không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất).				Thuyết minh tại mục 2 phần II của Báo cáo thuyết minh

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế			Thuyết minh		
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh		Cấp huyện	Cấp xã
	Cấp tỉnh	10%			(i) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện: giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất không qua đấu giá; chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất (sau khi trừ các chi phí hợp lý phục vụ cho việc thu hồi để giao đất)				
	Cấp huyện		90%		Thành phố, Ba Bể	10%	90%		
	(ii) Thu tiền sử dụng đất từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã chưa hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới				Các huyện còn lại		100%		
	Tổng số thu phát sinh trên 1000 trđ		70%	30%	(ii) Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án được đầu tư từ nguồn vốn NSNN				
	Tổng số thu phát sinh dưới 1000 trđ		20%	80%	Thu từ quỹ đất hai bên đường được tạo bởi các dự án đầu tư đường giao thông bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh; nguồn vốn ngân sách TW hoặc nguồn vốn ngân sách tỉnh lồng ghép nguồn ngân sách huyện, trong đó nguồn vốn ngân sách tỉnh chiếm từ 70% trở lên (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay sau đó hoàn trả bằng ngân sách tỉnh)	30%	70%		
					Thu từ quỹ đất được tạo bởi các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách huyện (bao gồm cả dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay sau đó hoàn trả bằng ngân sách huyện)	10%	90%		

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế					Thuyết minh		
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã			
					(iii) Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án không sử dụng vốn NSNN (sau khi trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định) được tính là 100% và điều tiết ngân sách các cấp như sau Dự án trên địa bàn TP Bắc Kạn, h. Ba Bể Dự án trên địa bàn các huyện còn lại	50% 30%	50% 70%				
B	Phân cấp nhiệm vụ chi										
I	Cấp tỉnh										
1	Sự nghiệp y tế bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác;			Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, dân số và kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình và các hoạt động y tế khác;					Bổ sung nhiệm vụ chi: khám bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC		
2	Các hoạt động kinh tế: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp; thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp; sự nghiệp tài nguyên; lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch; sự nghiệp thị chính; các sự nghiệp kinh tế khác			Các hoạt động kinh tế: Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác; Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý; Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác; Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;					Cụ thể các nội dung hoạt động kinh tế theo quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC		
				Hoạt động kiến thiết thị chính;							

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế				Thuyết minh	
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện		Cấp xã
					Chi hỗ trợ theo các chương trình, chính sách về kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định Các hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật;				
3	Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật				Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên				Bổ sung nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách cấp trên
4					Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình MTQG, CTMT do cấp tỉnh quản lý				Bổ sung nhiệm vụ chi thực tế
II	Cấp huyện								
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm: giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp huyện quản lý;				Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm: giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông dân tộc nội trú, bổ túc văn hoá các hoạt động giáo dục khác; đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do cấp huyện quản lý;				Cụ thể các bậc giáo dục phổ thông và bổ sung Phổ thông DTNT cho phù hợp với phân cấp quản lý hiện tại
2					Ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;				Bổ sung theo quy định của Thông tư 342/2016/TT-BTC
3	Các hoạt động kinh tế: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp; thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp; sự nghiệp tài nguyên; lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch; sự nghiệp thị chính; các sự nghiệp kinh tế khác				Các hoạt động kinh tế: Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường được tỉnh phân cấp quản lý; Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng NTM và hoạt động phát triển nông thôn khác được tỉnh phân cấp quản lý; Sự nghiệp tài nguyên được tỉnh phân cấp quản lý; Hoạt động kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác; Các hoạt động kinh tế khác được tỉnh phân cấp;				Cụ thể các nội dung hoạt động kinh tế theo quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC
4	Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật				Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên				Bổ sung nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách cấp trên

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế				Thuyết minh
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
5				Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình MTQG, CTMT do cấp huyện quản lý				Bổ sung nhiệm vụ chi thực tế
III	Cấp xã							
1	<p>Chi đầu tư phát triển</p> <p>a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng KTXH do cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này, bao gồm nguồn vốn CTMT, CTMTQG, các nguồn khác do NS cấp trên hỗ trợ. Riêng đối với nguồn vốn CTMT, CTMTQG căn cứ vào ĐK, năng lực quản lý vốn của cấp xã các huyện, TP giao cho các xã, phường, thị trấn quản lý và quyết toán vào NS xã cho phù hợp</p> <p>b) Các khoản chi đầu tư khác do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật</p>			<p>Chi đầu tư phát triển</p> <p>a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.</p>				Chỉnh sửa, bổ sung theo quy định của Thông tư 344/2016/TT-BTC
2	Chi cho công tác quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội			<p>Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội theo phân cấp:</p> <p>Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;</p>				Cụ thể nhiệm vụ chi theo quy định của Thông tư 344/2016/TT-BTC
3				Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công				Bổ sung nhiệm vụ chi theo quy định của Thông tư 344/2016/TT-BTC
4				Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã				Bổ sung nhiệm vụ chi theo quy định của Thông tư 344/2016/TT-BTC

TT	Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND và Nghị quyết số			Dự thảo Nghị quyết mới thay thế			Thuyết minh		
	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Nội dung	Cấp tỉnh		Cấp huyện	Cấp xã
5	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam cấp xã;				Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định; Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng CS Việt Nam ở xã; Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TN Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);				Cụ thể nhiệm vụ chi theo quy định của Thông tư 344/2016/TT-BTC
6	Chi công tác xã hội				Chi cho công tác xã hội do xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01/01/1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách, chi trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác;				Cụ thể nhiệm vụ chi theo quy định của Thông tư 344/2016/TT-BTC
7	Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật				Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên				Bổ sung nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách cấp trên
8					Chi thường xuyên thực hiện các Chương trình MTQG, CTMT do cấp xã thực hiện theo phân cấp				Bổ sung nhiệm vụ chi thực tế

Biểu số 02

**TÌNH HÌNH THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN
GIAI ĐOẠN 2017-2021**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	TỔNG CỘNG			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			
		Tổng	Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó			Trong đó					
			Tỉnh	Huyện	xã	Tỉnh	Huyện	xã	Tỉnh	Huyện	xã	Tỉnh	Huyện	xã	Tỉnh	Huyện	xã	Tỉnh	Huyện	xã
	TỔNG SỐ	472.051	44.792	414.488	12.771	8.879	84.674	4.267	8.093	72.259	5.294	9.092	86.878	1.928	8.441	78.570	806	10.287	92.108	476
1	Thành phố Bắc Kạn	321.177	32.118	289.060	0	6.229	56.061	0	5.331	47.983		7.434	66.903		5.224	47.013		7.900	71.100	
2	Huyện Pác Nặm	17.384	833	13.385	3.166	-	3.770	309	604	3.838	1.601	80	2.095	589	32	2.805	491	117	878	176
3	Huyện Ba Bể	41.998	4.200	37.798	0	963	8.669	-	974	8.770	-	779	7.014	-	763	6.865	-	720	6.480	-
2	Huyện Chợ Mới	7.010	242	2.815	3.954	29	563	1.193	44	770	1.485	20	369	661	48	513	314	100	600	300
4	Huyện Ngân Sơn	5.045	234	2.729	2.082	7	331	1.083	8	421	999	74	669		85	768		60	540	
5	Huyện Bạch Thông	16.894	1.690	15.204	0	449	4.034	0	405	3.648		364	3.274	0	302	2.718	0	170	1.530	
6	Huyện Chợ Đồn	35.929	3.259	32.670	0	480	4.329	0	131	1.176	0		3.329	0	1.648	14.836	0	1.000	9.000	
8	Huyện Na Rì	26.614	2.217	20.828	3.569	722	6.916	1.682	595	5.654	1.209	341	3.226	678	339	3.052		220	1.980	

DỰ KIẾN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025			Tiền thu từ đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân và từ các DA sử dụng vốn NSNN (*)			Tiền thu sử dụng đất từ DA sử dụng ngân sách			Tiền thu sử dụng đất từ DA ngoài ngân sách		
		Tổng số	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Tổng số	Dự kiến phân chia		Tổng số	Dự kiến phân chia		Tổng số	Dự kiến phân chia	
						Cấp tỉnh	Cấp huyện		Cấp tỉnh	Cấp huyện		Cấp tỉnh	Cấp huyện
	TỔNG SỐ	1.683.447	600.406	1.083.041	416.374	35.294	381.080	197.453	59.236	138.217	1.069.620	505.876	563.744
1	Thành phố Bắc Kạn	868.175	311.208	556.968	290.400	29.040	261.360	33.600	10.080	23.520	544.175	272.088	272.088
2	Huyện Pác Nặm	18.900	-	18.900	18.900		18.900						
3	Huyện Ba Bể	561.975	239.708	322.268	25.200	2.520	22.680	156.000	46.800	109.200	380.775	190.388	190.388
4	Huyện Ngân Sơn	7.200	-	7.200	7.200		7.200						
5	Huyện Bạch Thông	12.600	630	11.970	12.600	630	11.970						
6	Huyện Chợ Đồn	147.850	34.237	113.613	40.474	2.024	38.450	4.527	1.358	3.169	102.850	30.855	71.995
7	Huyện Chợ Mới	54.146	13.994	40.152	9.000	450	8.550	3.326	998	2.328	41.820	12.546	29.274
8	Huyện Na Rì	12.600	630	11.970	12.600	630	11.970						

Ghi chú:

(*) Số liệu lấy theo Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 về việc giao KH trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025; riêng thành phố, Chợ Đồn tách số thu từ DA sử dụng NSNN đang thực hiện từ năm 2021

Số liệu thu tiền sử dụng đất của các dự án ngoài ngân sách được khảo sát tại 4 huyện có tiềm năng trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030, giá đất do UBND tỉnh ban hành và các văn bản khác có liên quan (số liệu tính toán đã trừ đi chi phí GPMB, xây dựng hạ tầng dự kiến)

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2021-2030 VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT DỰ KIẾN

TT	HẠNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Quy hoạch (ha)	Diện tích tính thu tiền sử dụng đất (ha)	Giá dự kiến (Trđ/m ²)	Ước tỷ lệ %	Thành tiền (Dự kiến) Tỷ đồng
A	THÀNH PHỐ							
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSNN							
1	Xây dựng khu tái định cư, thuộc dự án chương trình Đô thị miền núi phía Bắc, giai đoạn II	Phường Nguyễn Thị Minh Khai, xã Dương Quang	ODT+ ONT	5,00	5,00	3,20	0,30	48
II	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NSNN							1.088,35
1	Khu đất và Sở văn hóa, Thể thao Du lịch tỉnh Bắc Kạn và Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh Bắc Kạn	Phường Đức Xuân	MD+ODT+DG	0,44	0,34	19,50	1,00	66,924
2	Khu dân cư sau đổi Tỉnh ủy (Phần diện tích đã GPMB, thực hiện đấu giá)	Phường Phùng Chí Kiên, Sông Cầu và xã Nông Thượng	ODT	9,50	9,50	5,00	0,70	332,5
3	Khu đô thị Bắc Sông Cầu (Phần diện tích đã GPMB, thực hiện đấu giá)	Xã Dương Quang	ODT	2,00	2,00	4,43	0,80	70,88
4	Khu đất trụ sở UBND phường Sông Cầu	Phường Sông Cầu	TMD	2,59	2,59	14,40	0,78	290,91
5	Khu đất trường Mầm non Đức Xuân	Phường Đức Xuân	TMD	0,40	0,40	6,40	0,78	19,968
7	Khu đô thị Bắc Sông Cầu (Khu đất ở)	Phường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Huyền Tung, xã Dương Quang	ODT+ONT	53,91	6,00	1,00	1,00	60
8	Khu dân cư sau đổi Tỉnh ủy (Khu đất ở)	Phường Phùng Chí Kiên, phường Sông Cầu, xã Nông Thượng	ODT+ONT	33,55	7,88	1,00	1,00	78,8
9	Khu dân cư tổ 1B và tổ 4 P. Đức Xuân (KDC Đức Xuân 4)	Phường Đức Xuân	ODT	6,70	1,64	1,00	1,00	16,4
10	Xây dựng khu dân cư Thôm Dầy, phường Sông Cầu	Phường Sông Cầu	ODT	4,98	0,10	3,00	1,00	3

11	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại tổ Xây dựng và tổ Pá Danh	Phường Huyền Tụng	ODT	5,00	3,90	1,00	1,00	39
12	Dự án khu đô thị nhà ở dân cư thu nhập thấp (Nay là dự án Khu dân cư Central Hill Bắc Kạn)	Phường Đức Xuân	ODT	7,4	5,18	0,70	1,00	36,26
13	Khu tái định cư sau đổi tình ủy, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn (Khu dân cư số 1 phường Phùng Chí Kiên)	Phường Phùng Chí Kiên	ODT	11,70	8,19	0,90	1,00	73,71
B	CHỢ ĐỒN							
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSNN							4,5265
1	Công trình di dời khẩn cấp 16 hộ dân tại vùng sạt lở thôn Phiêng Liêng 2	Xã Ngọc Phái	ONT		1,74	0,25	1,00	4,349
2	Bố trí tái định cư (hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư). Dự án: Mở rộng, nâng cấp ĐT254 tại thôn Bản Mạ	Xã Quảng Bạch	ONT		0,07	0,25	1,00	0,1775
II	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NSNN							102,85
1	Khu dân cư tổ 7 thị trấn Bằng Lũng	TT Bằng Lũng	ODT	0,20	2,57	0,50	1,00	12,85
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại tổ 1A và 2A thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	TT Bằng Lũng	ODT		8,00	0,50	1,00	40
3	Khu dân cư tổ 9 thị trấn Bằng Lũng	TT Bằng Lũng	ODT		10,00	0,50	1,00	50
C	BA BÈ							0
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSNN							260
1	Đất ở TĐC cho dự án mở rộng đường 258 thành quốc lộ 3C		ONT	2,00	2,00	1,00	1,00	20
2	Dự án đầu tư xây dựng Vùng nguy cơ sạt lở cao thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn	TT Chợ Rã	ODT	6,50	6,50	3,20	1,00	208
4	Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu xây dựng dự án sạt lở cao Tiểu khu 4	TT Chợ Rã	ODT	1,00	1,00	3,20	1,00	32
II	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NSNN							761,55
1	Dự án di dân Tái định cư thôn Đông Dăm	Thôn Đông Dăm xã Hà Hiệu	ONT	3,0	3,00	0,20	1,00	6
2	Dự án di dân Tái định cư thôn Lũng Chàng		ONT	3,0	3,00	0,20	1,00	6
3	Khu đô thị tiểu khu 3 thị trấn Chợ Rã (QM 30ha; đất ở 50%)	TT Chợ Rã		15,0	15,00	0,70	1,00	105

4	Khu dân cư thị trấn Chợ Rã (QM 17ha; đất ở 45%)	TT Chợ Rã		7,7	7,65	0,70	1,00	53,55
5	Khu đô thị trung tâm thị trấn Chợ Rã (QM 20ha, đất ở 50%)	TT Chợ Rã		10,0	10,00	0,70	1,00	70
6	Khu tổ hợp văn hóa đa năng Khang Ninh Ba Bể (FLC) (QM 192ha; đất ở 15%)	xã Khang Ninh huyện Ba Bể		28,8	28,80	0,50	1,00	144
7	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Onsen Khang Ninh (QM 90ha; đất ở 25%)	xã Khang Ninh huyện Ba Bể		22,5	22,50	0,20	1,00	45
8	Khu nghỉ dưỡng sinh thái Onsen Đồng Phúc (QM 300ha; đất ở 15%)	Xã Đồng Phúc huyện Ba Bể		45,0	45,00	0,20	1,00	90
9	Khu thương mại dịch vụ Khang Ninh (QM 40ha; đất ở 15%)	xã Khang Ninh huyện Ba Bể		6,0	6,00	0,20	1,00	12
10	Khu tổ hợp dịch vụ Quảng Khê (QM 400ha; đất ở 15%)	Xã Quảng Khê huyện Ba Bể		60,0	60,00	0,20	1,00	120
11	Khu dịch vụ tổ hợp Đồng Phúc (QM 300ha; đất ở 15%)	Xã Đồng Phúc huyện Ba Bể		45,0	45,00	0,20	1,00	90
12	Khu tổ hợp dịch vụ Hoàng Trĩ (QM 100ha; đất ở 10%)	Xã Hoàng Trĩ huyện Ba Bể		10,0	10,00	0,20	1,00	20
D	CHỢ MỚI							
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NSNN							4,752
	Bố trí sắp xếp ổn định xen ghép dân cư tại chỗ thôn đặc biệt khó khăn Bàn Cháo- Thái Lão- xã Yên Cư huyện Chợ		ONT	1,32	1,32	0,11	1,00	1,452
	Xây dựng hạ tầng vùng dân cư đặc biệt khó khăn, có nguy cơ sạt lở cao thôn bàn Cháo, xã Yên Cư, huyện Chợ Mới		ONT	3,00	3,00	0,11	1,00	3,3
II	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NSNN							41,82
	Khu tái định cư phục vụ GPMB Khu công nghiệp Thanh Bình tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II xã Thanh Thịnh		ONT	3,70	3,70	0,50	1,00	18,5
	Dự án Khu dân cư Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn		ONT	11,16	11,16	0,20	1,00	22,32
	Khu tái định cư thôn Đèo Vai 2 xã Quảng Chu		ONT	1,00	1,00	0,10	1,00	1

Giá dự kiến đã trừ đi chi phí BTGPMB và XD hạ tầng kỹ thuật

Số: 420 /STP-BCTĐ

Bắc Kạn, ngày 01 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 2036/STC-QLNS ngày 22/10/2021 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có báo cáo thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết nêu tại dự thảo Tờ trình.

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết

Để đảm bảo đầy đủ đề nghị bổ sung căn cứ ban hành là Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tại điểm 1.8 khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định

Dự thảo quy định về nguồn thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% gồm phí thu từ các hoạt động dịch vụ do doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện (được hiểu là bao gồm cả các doanh nghiệp thuộc cấp huyện quản lý). Tuy nhiên, tại điểm 1.5 khoản 1 Điều 5 quy định nguồn thu của ngân sách cấp huyện hưởng gồm có phí thu từ hoạt động dịch vụ do các doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp huyện quản lý thu. Do vậy, đề nghị xem xét quy định lại nội dung này cho phù hợp.

3. Tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 7 dự thảo Quy định

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước năm 2019 thì ngân sách địa phương được hưởng 100% đối với “*tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật này*”. Trong đó, điểm k khoản 1 Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước năm 2019 quy định về nguồn thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý. Do đó, để đảm bảo đầy đủ, phù hợp với các quy định nêu trên, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa đổi, bổ sung nội dung “*không*

kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất” thành “không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý”.

III. THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN

1. Đối với tên gọi của dự thảo Nghị quyết, để phù hợp với hướng dẫn tại Mẫu số 17 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bổ sung từ “ban hành” vào phần tên gọi của dự thảo Nghị quyết thành: “Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn”.

2. Tại điểm 1.11 khoản 1 Điều 4 và điểm 1.9 khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định, đề nghị sửa cụm từ “cho thuê mặt đất” thành “cho thuê đất” cho phù hợp, chính xác.

3. Tại điểm 2.3 khoản 1 Điều 8 dự thảo quy định trùng nội dung về “dân số và kế hoạch hóa gia đình” và “dân số và gia đình”. Đề nghị chỉnh sửa lại cho phù hợp.

4. Đề nghị trình bày điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 dự thảo Quy định theo hướng “ứng dụng, chuyển giao công nghệ” để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định 163/2016/NĐ-CP.

5. Đề nghị bỏ phần ký ban hành văn bản tại phần cuối dự thảo Quy định để đảm bảo phù hợp với hướng dẫn tại Mẫu số 17 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XD&KTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Quốc Trung

Số: 157 /STC-QLNS

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

Ngày 22/10/2021, Sở Tài chính đã có Công văn số 2036/STC-QLNS gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Theo đó, ngày 01/11/2021, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 420/STP-BCTĐ về dự thảo Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Sau khi xem xét 08 ý kiến tại Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Nghị quyết và quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết với nội dung cụ thể như sau:

1. Tiếp thu 03 ý kiến về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và chỉnh sửa, bổ sung các nội dung:

- Bổ sung căn cứ ban hành tại dự thảo Nghị quyết: “*Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*”.

- Sửa lại cụm từ “doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện” thành “*doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện*” tại dòng thứ tư điểm 1.8 khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung “không kê thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất” thành “*không kê thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý*” tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 7 dự thảo Quy định

2. Tiếp thu 05 ý kiến về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản và chỉnh sửa, bổ sung các nội dung:

- Bổ sung từ “ban hành” vào phần tên gọi của dự thảo Nghị quyết thành: “*Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn*”

- Sửa cụm từ “cho thuê mặt đất” thành “cho thuê đất” tại điểm 1.11 khoản 1 Điều 4 và điểm 1.9 khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định.

- Bỏ cụm từ “dân số và kế hoạch hóa gia đình” do quy định trùng và sửa nội dung tại điểm 2.3 khoản 1 Điều 8 dự thảo Quy định thành: “*Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm: hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác*”.

- Sửa nội dung quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 dự thảo Quy định thành “*Sự nghiệp khoa học và công nghệ gồm: các hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ; hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ;*”.

- Bỏ phần ký ban hành văn bản tại phần cuối dự thảo Quy định theo hướng dẫn tại Mẫu số 17 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Với nội dung trên, Sở Tài chính báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- UBND tỉnh;
- HĐND tỉnh.

Gửi bản điện tử

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-QLNS.



Số: 156 /STC-QLNS

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với dự thảo Nghị quyết

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2021, Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Nội dung dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh và cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến; đồng thời cơ quan soạn thảo đã gửi văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan nghiên cứu tham gia góp ý. Đến nay Sở Tài chính đã nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân như sau:

1. Trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính: Không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bằng Văn bản:

- 12/20 cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương hoàn toàn nhất trí với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

- 08/20 cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính đã tiếp thu và giải trình ý kiến của từng đơn vị theo Phụ lục gửi kèm.

Với nội dung trên, Sở Tài chính báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- UBND tỉnh;
- HĐND tỉnh.

Gửi bản điện tử

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-QLNS.



GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

STT	CQ, đơn vị	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	<i>Kho bạc nhà nước BK</i>	<p>Phụ lục quy định tỷ lệ % tại Điều 7</p> <p>- Mục 4. Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</p> <p>+ Tiết 4.2 trong đó mục a "Cấp tỉnh thu" phân chia ngân sách cấp tỉnh 70%, ngân sách cấp huyện 30 % chỉ có thể hạch toán được tại KBNN các huyện, riêng đối với KBNN tinh trên chương trình ứng dụng thu TCS-TT việc phân chia các khoản thu do cấp tỉnh thu cho ngân sách huyện chương trình sẽ mặc định phần huyện hưởng là ngân sách thành phố Bắc Kạn, không thể phân chia cho ngân sách các huyện khác trong tỉnh;</p> <p>+ Tiết 4.3 "Kinh phí bồi thường GPMB , hỗ trợ các tổ chức cá nhân bị thu hồi đất...từ tiền thuê đất, cấp nào thực hiện được phản ánh vào ngân sách cấp đó 100%": thuộc mục 3600 của mục lục NSNN không có nội dung này, do vậy KBNN sẽ không xác định được tiêu mục được tiêu mục để hạch toán vào thu NSNN;</p> <p>- Tiết 5.2 và Tiết 5.3 thuộc Mục 5: thuộc mục 1400 của mục lục NSNN không có quy định tiêu mục tương ứng với 02 nội dung này do vậy trên chứng từ thu NSNN không thể phân biệt và tách ra để hạch toán, phân chia đúng tỷ lệ như quy định tại Dự thảo.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo đã bỏ nội dung quy định phân chia tiền thuê mặt đất, mặt nước nộp một lần cho cấp huyện, giữ nguyên quy định cũ cấp nào thu cấp đó hưởng 100%</p> <p>Sau khi phối hợp với cơ quan Thuế, việc phân chia khoản thu tiền sử dụng đất cho cấp tỉnh và cấp huyện hoàn toàn có thể thực hiện được, cụ thể: trên cơ sở Quyết định phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, cơ quan Thuế xác định số tiền sử dụng đất phải nộp và ghi rõ số tiền thu hưởng của từng cấp NS theo chương, mục tương ứng tại Thông báo nộp tiền sử dụng đất gửi cho tổ chức sử dụng đất và KBNN để thực hiện nộp và thu tiền sử dụng đất; nội dung này sẽ được cơ quan soạn thảo phản ánh tại Điều 7 của dự thảo nghị quyết.</p>

STT	CQ, đơn vị	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
2	UBND xã Dương Quang - TP Bắc Kạn	<p>Tại Điều 10, Dự thảo NQ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã. Hàng năm cấp trên không phân bổ cho sự nghiệp giáo dục nên chưa được hỗ trợ. - Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ Năm 2022 đề nghị cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này. - Chi sự nghiệp y tế: hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã. Hàng năm không phân bổ kinh phí cho sự nghiệp y tế nên chi hỗ trợ một phần cho hoạt động y tế thôn bản. - Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật. Đề nghị phân bổ kinh phí hoạt động cho các Hội như: Hội nạn nhân chất độc da cam, Hội Giáo chức, Hội cựu thanh niên xung phong; Ban liên lạc bộ đội trường sơn. 	<p>Nội dung kiến nghị về phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết này</p>
3	UBND huyện Chợ Đồn	<p>Bổ sung “Văn phòng Khối MTTQ và các đoàn thể” vào điểm 2.10, khoản 2, Điều 9, Chương III do thực hiện theo Đề án thực hiện Đề án số 12-ĐA/TU ngày 23/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp bộ phận cán bộ tham mưu, giúp việc chung Khối Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện hoặc chỉ nêu “Các tổ chức chính trị xã hội cấp huyện”.</p>	<p>Nghị quyết đã đưa đầy đủ các tổ chức chính trị xã hội, trong đó có MTTQ và các đoàn thể theo đúng quy định tại Nghị định số 163/2017/NĐ-CP và Thông tư số 342/2017/TT-BTC</p>
4	UBND xã Tân Lập	<p>Tại Chương III: Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương: Đối với khoản 2.9 Điều 10: Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở dự thảo Nghị Quyết của HĐND tỉnh khóa X và Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. Tuy nhiên các tổ chức hội này cũng được giao và thực hiện nhiệm vụ (Hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi, Hội Khuyến Học, Giám sát đầu tư cộng đồng, Thanh niên xung phong). Đề nghị được bổ sung kinh phí hoạt động hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 trở đi.</p>	<p>Nội dung kiến nghị về phân bổ kinh phí cho các Hội, đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết này</p>

STT	CQ, đơn vị	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
5	UBND thị trấn Bằng Lũng	<p>Sau khi nghiên cứu bản dự thảo nghị quyết UBND thị trấn Bằng Lũng hoàn toàn nhất trí theo chương và các điều khoản. Tuy nhiên qua quá trình thực hiện Nghị quyết giai đoạn trước đó đơn vị thấy vướng mắc và không hợp lý về các khoản thu ngân sách cấp xã và phường được hưởng, thị trấn không được hưởng nay đơn vị có đề nghị điều chỉnh dự thảo, cụ thể:</p> <p>Tại chương II, Điều 6:</p> <p>1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:</p> <p>1.1. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, thị trấn; Đề nghị điều chỉnh lại là: “1.1. Thuế thu nhập cá nhân: gồm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã thị trấn (trừ thuế thu nhập cá nhân HKD cá thể)”.</p>	<p>Đây là 02 khoản thu khác nhau: (i) thuế thu nhập cá nhân do cấp xã thu là khoản thu được phân cấp cho cấp xã hưởng 100%; (ii) khoản thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã thu là khoản phân chia quy định tại Điều 7 của dự thảo nghị quyết.</p>
6	UBND huyện Chợ Mới	<p>Cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, nên xem xét điều chỉnh bổ sung nội dung tại biểu phụ lục trang 15 điểm b mục 5.1 phần 5 thu tiền sử dụng đất: Tỷ lệ % phân chia cho cấp xã hưởng trong dự thảo không có, điều chỉnh cho cấp xã hưởng 15% để có nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp, còn lại 85% điều tiết về ngân sách cấp huyện.</p>	<p>Không tiếp thu ý kiến; Lý do: Các khoản thu tiền sử dụng đất tại mục 5.1 không gắn với nhiệm vụ chi cấp xã, mặt khác khoản thu này ở một số huyện, trong đó có huyện Chợ Mới rất nhỏ nên việc phân chia 15% cho xã để chi cho đầu tư phát triển là không hiệu quả nên cơ quan soạn thảo giữ nguyên tỷ lệ phân chia đối với khoản thu này.</p>
7	UBND huyện Ngân Sơn	<p>UBND huyện nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết, tuy nhiên cần xem xét, bổ sung nội dung tại biểu phụ lục trang 15 điểm a mục 5.2 phần 5 thu tiền sử dụng đất cho đúng với báo cáo thuyết minh như sau: a. Dự án cấp tỉnh quyết định đầu tư: (+) Thành phố: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%; Ngân sách cấp huyện 70%. (+) Các huyện còn lại: NS tỉnh hưởng 10%; NS huyện hưởng 90%</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa lại Báo cáo thuyết minh cho phù hợp với tỷ lệ phân chia quy định tại Điều 7 của Nghị quyết, lý do đã được giải trình cụ thể tại Báo cáo thuyết minh gửi kèm</p>
8	UBND huyện Pác Nặm	<p>Tại mục 5.1, phần 5 Thu tiền sử dụng đất của Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết: Đề nghị giữ nguyên tỷ lệ phân chia theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 19/4/2018 của HĐND tỉnh.</p>	<p>Tỷ lệ phân chia tiền sử dụng đất theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND không còn phù hợp với tình hình hiện tại; lý do thay đổi đã được giải trình cụ thể tại Báo cáo thuyết minh gửi kèm</p>

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44.0/KBBK-KTNN

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 10 năm 2021

V/v tham gia dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh khóa X

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Theo công văn số 1898/STC-QLSN ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính Bắc Kạn V/v xin ý kiến tham gia dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X. KBNN Bắc Kạn đã nghiên cứu bản dự thảo và có ý kiến như sau:

1. Phụ lục quy định tỷ lệ phần trăm (%) tại Điều 7. Các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương ban hành tại Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

- STT 4. "*Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước*":

+ Tiết 4.2. trong đó mục a "*Cấp tỉnh thu*" phân chia ngân sách cấp tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện 30% chỉ có thể hạch toán được tại KBNN các huyện, riêng đối với KBNN tỉnh trên chương trình ứng dụng thu theo dự án Hiện đại hóa thu NSNN của Bộ Tài chính (TCS-TT) việc phân chia các khoản do cấp tỉnh thu cho ngân sách huyện chương trình sẽ mặc định phân huyện hưởng là ngân sách thành phố Bắc Kạn, không thể phân chia cho ngân sách các huyện khác trong tỉnh;

+ Tiết 4.3. "*Kinh phí bồi thường GPMB, hỗ trợ các tổ chức cá nhân bị thu hồi đất... từ tiền thuê đất, cấp nào thực hiện được phản ánh vào ngân sách cấp đó 100%*": thuộc mục 3600 của mục lục NSNN không có nội dung này; do vậy KBNN sẽ không xác định được tiêu mục để hạch toán vào thu NSNN;

- STT 5. "*Thu tiền sử dụng đất*" trong đó tiết 5.2 "*Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án đầu tư từ nguồn vốn NSNN (trừ các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương do TTCP hoặc các Bộ, ngành quyết định đầu tư)*" và tiết 5.3. "*Đối với tiền sử dụng đất thu từ các dự án không sử dụng vốn NSNN (sau khi trừ chi phí đền bù GPMB, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định) được tính là 100% và điều tiết ngân sách các cấp như sau:.....*" Mục "*Thu tiền sử dụng đất*" thuộc mục 1400 của mục lục NSNN không có quy định tiêu mục

tương ứng với 02 nội dung thu này do vậy trên chứng từ thu NSNN không thể phân biệt và tách được để hạch toán và phân chia đúng tỷ lệ như trong dự thảo.

2. Các nội dung khác nhất trí với bản dự thảo.

Trên đây là bản tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết HĐND khóa X của KBNN Bắc Kạn gửi Sở Tài chính xem xét tổng hợp. / *Uy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTNN (3 bản) *Uy*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DƯƠNG QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~31~~ UBND-CV

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 10 năm 2021

V/v đóng góp ý kiến đối với dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Kính gửi:

- Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn;
- Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn;

Thực hiện Công văn số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X. Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết, UBND xã Dương Quang đóng góp ý kiến như sau:

Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

2. Chi thường xuyên

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã; Hàng năm cấp trên không phân bổ cho sự nghiệp giáo dục nên chưa hỗ trợ được

2.3. Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

Năm 2022 đề nghị cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ này.

2.4. Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã.

Hàng năm không phân bổ kinh phí cho sự nghiệp y tế nên chỉ hỗ trợ một phần cho hoạt động cho y tế thôn bản.

2.9. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật.

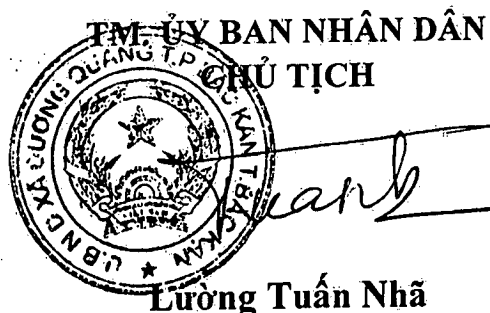
Đề nghị phân bổ kinh phí hoạt động cho các Hội như: Hội nạn nhân chất độc Da cam, Hội Giáo chức, Hội Cựu Thanh niên xung phong, Ban liên lạc bộ đội trường sơn.

Trên đây là đóng góp ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Dương Quang đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1985 /UBND-TCKH

Chợ Đồn, ngày 13 tháng 10 năm 2021

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn
thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia các khoản thu giữa ngân sách
các cấp chính quyền địa phương cho thời
kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm
2022 của tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X;

Qua nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. UBND huyện Chợ Đồn có ý kiến như sau:

1. Nhất trí về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

2. Bổ sung “Văn phòng Khối MTTQ và các đoàn thể” vào điểm 2.10, khoản 2, Điều 9, Chương III do thực hiện theo Đề án thực hiện Đề án số 12-ĐA/TU ngày 23/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp bộ phận cán bộ tham mưu, giúp việc chung Khối Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện hoặc chỉ nêu “Các tổ chức chính trị xã hội cấp huyện”.

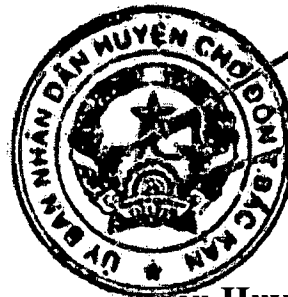
Trên đây là nội dung tham gia góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của UBND huyện Chợ Đồn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi (g/y);
- LĐ UBND huyện;
- LĐ Văn phòng;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Triệu Huy Chung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN LẬP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 641 /UBND-TC

Tân Lập, ngày 07 tháng 10 năm 2021

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLSN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X

Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn có ý kiến như sau:

- 1. Về dự thảo Tờ trình:** Nhất trí với các nội dung của dự thảo
- 2. Về dự thảo Nghị quyết:** Nhất trí với các nội dung của dự thảo
- 3. Về Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn (Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ- HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X, kỳ họp thứ sáu)**

3.1. Tại Chương III: Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương: Đối với khoản 2.9 Điều 10: Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở dự thảo Nghị Quyết của HĐND tỉnh khóa X và Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

Tuy nhiên các tổ chức hội này cũng được giao và thực hiện nhiệm vụ (Hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi, Hội Khuyến Học, Giám sát đầu tư cộng đồng, Thanh niên xung phong). Đề nghị được bổ sung kinh phí hoạt động hằng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 trở đi.

- 4. Đối với các nội dung còn lại:** Nhất trí với dự thảo.


Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn Sở Tài Chính tỉnh Bắc Kạn biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi (b/cáo);
- LĐ UBND xã;
- KT-TC
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lành Văn Hiệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN BẰNG LŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 320 /CV – UBND
V/v góp ý đội với dự thảo NQ
của HĐND tỉnh khóa X.

Bằng Lũng, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: - Sở Tài chính tỉnh Bắc Kan.

Thực hiện văn bản số 1898/STC-QLSN ngày 01/10/2021 của sở tài chính tỉnh Bắc Kan. Về việc xin ý kiến đối với dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi nghiên cứu bản dự thảo nghị quyết UBND thị trấn Bằng Lũng hoàn toàn nhất trí theo chương và các điều khoản. Tuy nhiên qua quá trình thực hiện Nghị quyết giai đoạn trước đó đơn vị thấy vướng mắc và không hợp lý về các khoản thu ngân sách cấp xã và phường được hưởng, thị trấn không được hưởng nay đơn vị có đề nghị điều chỉnh dự thảo, cụ thể:

Tại chương II, Điều 6

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

1.1. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã, thị trấn;

Đề nghị điều chỉnh lại là:

1.1. Thuế thu nhập cá nhân: gồm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã thị trấn (trừ thuế thu nhập cá nhân hộ kinh doanh cá thể).

Như vậy mới không trái với phụ lục quy định về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kan trong thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022, kèm bên dưới dự thảo NQ.

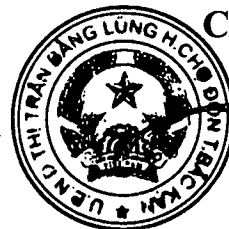
Trên đây là góp ý đội với dự thảo NQ của HĐND tỉnh khóa X của UBND thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kan./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi;
- LĐ UBND thị trấn;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Hữu Nhuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 2490 /UBND-TCKH
V/v góp ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh về
ngân sách thời kỳ ổn định mới
bắt đầu từ năm 2022

Chợ Mới, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X; Văn bản số 1899/STC-HCSN ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính về việc đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu, UBND huyện có ý kiến đóng góp như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

- Cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết; tuy nhiên, nên xem xét điều chỉnh bổ sung nội dung tại biểu phụ lục trang 15 điểm b mục 5.1 phần 5 thu tiền sử dụng đất: Tỷ lệ % phân chia cho cấp xã hưởng trong dự thảo không có, điều chỉnh cho cấp xã hưởng 15% để có nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp, còn lại 85% điều tiết về ngân sách cấp huyện.

2. Đối với dự thảo Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

- Cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết; tuy nhiên, có một số ý kiến gồm:

+ Tại khoản a điểm 3 điều 14 của dự thảo Nghị quyết có ghi: Trung tâm học tập cộng đồng 20 triệu đồng/Trung tâm/năm. Định mức như vậy là thấp đề nghị xem xét giữ nguyên định mức theo Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND giai đoạn cũ là 28 triệu đồng/Trung tâm/năm.

Lý do: Định mức phân bổ theo dự thảo trên chỉ đủ chi trả phụ cấp cho Ban giám đốc trung tâm, kế toán, thủ quỹ, không còn kinh phí để hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.

+ Tại khoản b điểm 3 điều 14 của dự thảo Nghị quyết có ghi: Sự nghiệp văn hóa thông tin đề nghị xem xét chỉnh sửa cho đầy đủ nội dung là: Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao.

- Đề nghị Sở Tài chính xem xét tham mưu bổ sung định mức chi quốc phòng an ninh tính theo dân số, theo dự thảo nhân thêm với hệ số 3. Vì theo dự thảo định mức phân bổ quốc phòng chỉ đáp ứng được 1/3 nhiệm vụ phát sinh chi thực tế hằng năm. Tính toán điều chỉnh cho huyện Chợ Mới bổ sung ngoài định mức (tại điểm a mục 3 Điều 12, Chương 2) bằng huyện Chợ Đồn, Na Rì và Ba Bể.

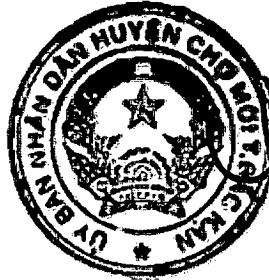
UBND huyện đề nghị Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản biên bản

- Sở Tài chính;
- LĐ. UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Nguyễn Việt

Hoàng Nguyễn Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2377 /UBND-TCKH

Ngân Sơn, ngày 12 tháng 10 năm 2021

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh và Tờ trình của
UBND tỉnh.

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X; Văn bản số 1899/STC-HCSN ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính về việc đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý từ các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, UBND huyện Ngân Sơn có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. UBND huyện nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết, tuy nhiên cần xem xét, bổ sung nội dung tại biểu phụ lục trang 15 điểm a mục 5.2 phần 5 thu tiền sử dụng đất cho đúng với báo cáo thuyết minh như sau:

a. Dự án cấp tỉnh quyết định đầu tư

+ Thành phố: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%; Ngân sách cấp huyện 70%.

+ Các huyện còn lại: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 10%; Ngân sách cấp huyện 90%.

Các nội dung khác nhất trí với dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn; UBND huyện nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết, Tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung các nội dung sau cho phù hợp cụ thể.

- Tại khoản a điểm 3 điều 14 của dự thảo Nghị quyết có ghi: Trung tâm học tập cộng đồng 20 triệu đồng/ Trung tâm/ năm. Định mức như vậy là thấp đề nghị xem xét giữ nguyên định mức theo Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND giai đoạn cũ là 28 triệu đồng/ Trung tâm/ năm.

Lý do: Nếu phân bổ theo định mức 20 triệu đồng/ Trung tâm/ năm chỉ đủ chi trả phụ cấp cho Ban giám đốc trung tâm, kế toán, thủ quỹ, không còn kinh phí để hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.

- Tại khoản b điểm 3 điều 14 của dự thảo Nghị quyết có ghi: Sự nghiệp văn hóa thông tin đề nghị xem xét chỉnh sửa cho đầy đủ nội dung là: Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao.

- Đề nghị Sở Tài chính xem xét bổ sung định mức kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở đảng theo quyết định 99-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Các nội dung khác nhất trí với dự thảo Nghị quyết.

Với nội dung trên, UBND huyện báo cáo Sở Tài chính để xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản biện từ

- Sở Tài chính;
- LĐ UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Ngọc Lan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM**

Số:1385 /UBND- TCKH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Pác Nặm, ngày 11 tháng 10 năm 2021.

V/v Góp ý kiến các nội dung tại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện văn bản số 1899/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ các Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND huyện đã thực hiện triển khai lấy ý kiến của các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã. UBND huyện có một số ý kiến góp ý dự thảo như sau:

I. Về Dự thảo Nghị quyết: Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Tại mục 5.1, phần 5 Thu tiền sử dụng đất của Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết: Đề nghị giữ nguyên tỷ lệ phân chia theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 19/4/2018 của HĐND tỉnh.

II. Dự thảo Nghị quyết: Quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

1. Đề nghị bổ sung Tại Khoản 2, Điều 12 như sau:

- Đối với chức danh Trưởng ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm chính trị huyện, đề nghị được tính thêm 50% (Năm mươi phần trăm) định mức chi phục vụ hoạt động tại điểm a, khoản 2 Điều này, số tiền này phân bổ cho Trung tâm chính trị huyện.

- Bổ sung kinh phí chi hoạt động bằng 50% định mức đối với lực lượng công an chính quy về cơ sở.

- Về nội dung chi định mức phục vụ hoạt động: Đề nghị giữ nguyên nội dung theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là Nghị quyết số 49)

- Do Khoản 2, Điều 4, Chương II có bổ sung đặc thù cho một số cơ quan, đơn vị. UBND huyện đề nghị tăng định mức đặc thù của các cơ quan tổng hợp như Văn phòng HĐND&UBND, Văn phòng Huyện ủy, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ và Phòng Kinh tế và Hạ tầng là 1,2 lần so với định mức chung tại Khoản 2, Điều 12.

- Đề nghị định mức hoạt động cho 1 biên chế của Văn phòng HĐND&UBND huyện, Đảng, đoàn thể tăng lên 33 triệu/năm.

- Đề nghị nâng chi hoạt động cho định mức chi cho 01 biên chế cấp xã từ 23 triệu lên 25 triệu.

2. Đề nghị bổ sung Tại Khoản 3, Điều 12, mục Bổ sung ngoài định mức như sau:

+ Kinh phí Hoạt động HĐND cấp huyện: Để đảm bảo hoạt động theo đúng Nghị quyết 55 năm 2016 của HĐND tỉnh, UBND huyện đề nghị tăng mức chi hoạt động lên 550 triệu đồng.

+ Kinh phí Hoạt động HĐND cấp xã: đề nghị tăng từ 80 triệu lên 120 triệu/năm.

+ Do Điểm 3, Khoản 2 Điều 4 của Chương II, có mức khoán riêng cho Văn phòng tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH, nên UBND huyện đề nghị bổ sung mức khoán cho 02 văn phòng Huyện ủy và Văn phòng HĐND&UBND huyện là 2 tỷ/ năm.

3. Đề nghị mức chi hoạt động tại Khoản 2 Điều 13 Chương III, định mức của Bạc mầm non từ 23 triệu lên 24 triệu đồng/ năm.

4. Đề nghị bổ sung điều 14 như sau:

- Tại Khoản 2, Điều 14, đề nghị tăng định mức hoạt động sự nghiệp đào tạo và dạy nghề, văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình và hội chữ thập đỏ từ 22 triệu lên 24 triệu/năm.

- Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 14: Kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng theo Nghị quyết 49 là 28 triệu, hiện tại 20 triệu không đủ để chi phụ cấp. Đề nghị tăng 35 triệu (*Do tiền phụ cấp đã chi cho ban giám đốc trung tâm là 20,56 triệu đồng/năm*).

- Tại Điểm c, Khoản 2, Điều 14:

+ Hỗ trợ kinh phí sự nghiệp phát thanh truyền hình cấp huyện: hiện tại 100 triệu đồng, đề nghị tăng lên 150 triệu, vì Nghị quyết 49 đã là 130 triệu/năm.

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động cấp xã có đài truyền thanh cơ sở đề nghị tăng từ 15 triệu lên 17 triệu.

+ Mục xã có 10 thôn trở lên: 3 triệu đồng/năm, đề nghị định mức không tính theo số thôn mà sẽ tính theo số dân, xã trên 3.000 dân sẽ được hỗ trợ thêm 3 triệu đồng/năm (vì một số xã ít thôn nhưng dân số đông do đã thực hiện sát nhập thôn).

5. Định mức chi phục vụ hoạt động họp đồng 68 tại Khoản 2, Điều 17, đề nghị giữ nguyên mức chi theo Nghị quyết số 49 là: lái xe: 15 triệu; Công việc khác: 7 triệu.

6. Tại điều 18 về định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội, UBND huyện nhất trí, nhưng đề nghị trong năm có phát sinh đối tượng đề nghị tỉnh cấp bổ sung kinh phí kịp thời.

7. Đề nghị Định mức phân bổ dự toán chi an ninh theo Khoản 1 Điều 20 tăng từ 20.088 đồng tăng lên 25.000 đồng.

8. Tại Điều 24: Tiêu chí bổ sung, UBND huyện đề nghị giữ nguyên nội dung quy định tại Điều 14, Nghị quyết số 49 năm 2016 của HĐND tỉnh.

9. Đề nghị bổ sung quy định rõ định mức tiền lương và phụ cấp lương cho biên chế vắng mặt. Có hướng dẫn cụ thể khi đơn vị không tuyển được biên chế trong năm.

III. Về Dự thảo Nghị quyết: Quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Qua thảo luận và lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn, UBND huyện nhất trí với dự thảo.

IV. Về Dự thảo Nghị quyết: Quy định nội dung và mức chi đặc thù từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Qua thảo luận và lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn, UBND huyện nhất trí với dự thảo.

Trên đây là góp ý kiến các nội dung tại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh của UBND huyện Pác Nặm./.

Nơi nhận :

- Gửi bản điện tử:
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn; (P. QLNS)
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND&UBND huyện; (B/cáo)
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2472 /UBND-TCKH
V/v góp ý dự thảo Tờ trình của
UBND tỉnh, Nghị quyết của
HĐND tỉnh Bắc Kạn

Na Rì, ngày 06 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Văn bản số 1857/STC-TCHCSN ngày 24/9/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi đặc thù từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh khóa X và Văn bản số 1899/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo các Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND huyện Na Rì nhất trí với nội dung dự thảo của Tờ trình và Nghị quyết, không có ý kiến tham gia bổ sung.

Ủy ban nhân dân huyện thông tin Sở Tài chính tỉnh biết để tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên (b/c);
- TT HU, HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Văn Nguyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 297 /UBND-KT

Quang Phong, ngày 06 tháng 10 năm 2021

V/v tham gia ý kiến góp ý dự thảo
Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X, Ủy ban nhân dân xã Quang Phong có ý kiến tham gia như sau:

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân xã hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo văn bản trên.

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân xã Quang Phong báo cáo Sở Tài chính tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hà Văn Huân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN VŨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 245/BC-UBND

Văn Vĩ, ngày 08 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
Góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X

Thực hiện Công văn số 1898/STC-QLSN ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

UBND xã Văn Vĩ báo cáo như sau:

Qua nghiên cứu bản Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X, Ủy ban nhân dân xã Văn Vĩ không có ý kiến đóng góp vào bản dự thảo.

Vậy UBND xã báo cáo để Sở tài chính tổng hợp.

Trên đây là báo cáo góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X của UBND xã Văn Vĩ./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu VPTK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bé Thị Lành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 172 /BC-UBND

Văn Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc đóng góp ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Ủy ban nhân dân xã Văn Minh nhất trí và không có ý kiến đóng góp thêm với bản dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Trên đây là báo cáo về việc đóng góp ý kiến dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X của Ủy ban nhân dân xã Văn Minh báo cáo Sở Tài chính để làm cơ sở tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính;

- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Văn Nghiệm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN LANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 148 /UBND-VP
V/v góp ý đối với dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Văn Lang, ngày 06 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện Công văn số 1898/ STC-QLSN ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi nghiên cứu các nội dung tại các dự thảo:

- Báo cáo thuyết minh Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

- Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

- Tờ trình Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Ủy ban nhân dân xã Văn Lang nhất trí với các nội dung trong các dự thảo. Không có ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mã Ngọc Quốc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG THẮNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 793/UBND-KTNS

Đồng Thắng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện công văn số 1898/STC-QLNS ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X .

Sau khi nghiên cứu nội dung của dự thảo tờ trình và dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Ủy ban nhân dân xã Đồng Thắng nhất trí với tất cả nội dung trong dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X .

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Đồng Thắng về dự thảo tờ trình và dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Nơi nhận:

Bản điện tử :

- Phòng Sở TC;

- Lưu VP.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN LẠC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 609 /UBND-TCKT
Về việc đóng góp ý kiến vào
dự thảo Nghị quyết của HĐND
tỉnh khóa X

Xuân Lạc, ngày 08 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện văn bản số 1898/STC-QLSN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính Bắc Kạn về việc xin ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu Báo cáo thuyết minh, dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh nêu trên. Ủy ban nhân dân xã Xuân Lạc nhất trí với các nội dung nêu trong hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính Bắc Kạn (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quang Huy
Trần Quang Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA TÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 358 /UBND
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh khóa X

Nghĩa Tá, ngày 08 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: - Sở Tài chính tỉnh Bắc Kan.

Thực hiện Văn bản số 1828/STC -QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kan về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi nghiên cứu triển khai cho các ban ngành đoàn thể xem xét tham gia ý kiến về bản dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Tá nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X và không có ý kiến bổ sung góp ý.

Trên đây là ý kiến của UBND xã Nghĩa Tá về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi

-- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mã Văn Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN THỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134 /UBND
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh khóa X

Yên Thịnh, ngày 07 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện văn bản số 1898/STC-QLSN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh về việc xin ý kiến đối với nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Qua nghiên cứu Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân xã Yên Thịnh hoàn toàn nhất trí với nội dung bản dự thảo nêu trên và không có ý kiến đóng góp gì thêm.

Trên đây là báo cáo góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X của Ủy ban nhân dân xã Yên Thịnh./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- TT ĐU, HĐND xã (b/cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ma Đình Huy



Ký bởi ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG

Giờ ký: 2021-10-14T13:55:56.8198911+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẠCH THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2220 /UBND-TCKH
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh khóa X

Bach Thong, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn

Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông nhận được Công văn số: 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh về việc xin ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn, UBND huyện Bạch Thông nhất trí nội dung dự thảo, không có ý kiến tham gia thêm.

Trên đây là ý kiến của UBND huyện Bạch Thông gửi Sở Tài chính tỉnh biết./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu VT, THKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỤC BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 249 /BC-UBND

Lục Bình, ngày 08 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X

Thực hiện Văn bản số 1898/STC-QLNS ngày 01/10/2021 của Sở tài chính tỉnh Bắc Kan về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Trên cơ sở dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. UBND xã đã nghiên cứu và nhất trí, không có ý kiến bổ sung với Dự thảo quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kan.

Trên đây là báo cáo đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X của UBND xã Lục Bình./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Công chức TC-KT xã;
- Lưu: VP UBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỢNG GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 978 /UBND-KT
Về góp ý dự thảo Nghị quyết
HĐND tỉnh khóa X

Thượng Giáo, ngày 06 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện Công văn số: 1898/STC-QLNS ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn V/v xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh khóa X.

Qua nghiên cứu những nội dung của Nghị quyết và ý kiến thảo luận thì UBND xã Thượng Giáo, Ba Bể nhất trí, không có ý kiến gì thêm vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X.

Trên đây là văn bản của UBND xã Thượng Giáo, Ba Bể về ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X./.

Nơi nhận:

- *.Gửi bản điện tử:
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn;
- TT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Thăng Quân

DANH MỤC TÀI LIỆU TRÌNH HĐND TỈNH

Hồ sơ Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Tài liệu gửi hồ sơ trình HĐND tỉnh gồm			
		Tài liệu gửi HSCV	Tài liệu gửi bản giấy
1	Tờ trình dự thảo Nghị quyết	✓	✓
2	Dự thảo Nghị quyết	✓	✓
3	Báo cáo thuyết minh	✓	✓
4	Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	✓	✓
5	Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	✓	✓
6	Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các đơn vị, cá nhân	✓	✓
7	Các văn bản góp ý kiến của các đơn vị, địa phương	✓	✓